

ỨNG DỤNG MOODLE VÀO GIẢNG DẠY TIẾNG ANH TỪ LÝ THUYẾT ĐẾN THỰC TIỄN

APPLYING MOODLE IN TEACHING ENGLISH: FROM THEORY TO PRACTICE

HUỲNH THỊ NHƯ DUYÊN^(*), HUỲNH NGỌC THANH^(**),
PHẠM THỊ SONG THUYẾT^(**) và HỒ ĐÌNH VĂN^(**)

TÓM TẮT: Bài viết đề cập đến Moodle - một công cụ dạy học trực tuyến với bốn đặc tính cơ bản tương ứng với năm tiêu chí giáo dục. Nhóm tác giả nêu lên những kết quả tích cực cũng như khó khăn, hạn chế trong quá trình ứng dụng Moodle vào giảng dạy tiếng Anh ở Tổ Anh văn tổng quát - khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Văn Lang. Từ đó, chúng tôi đề xuất đề xuất các giải pháp khắc phục những tồn tại để nhà trường có thể triển khai ứng dụng Moodle ở quy mô lớn hơn.

Từ khóa: Moodle; giảng dạy tiếng Anh; học trực tuyến.

ABSTRACT: The article mentions to Moodle - an online teaching tool with four basic characteristics corresponding to five educational criteria. The authors express positive as well as difficulties and limitations in the process of applying Moodle to teaching English at the General English Group - Faculty of Foreign Languages, Van Lang University. From there, we propose solutions to overcome existing problems so that the school can deploy Moodle in teaching English on a larger scale.

Key words: Moodle; teaching English; online learning.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển công nghệ thông tin và mạng toàn cầu mang lại những cơ hội mới trong nghiên cứu và giáo dục, làm cho việc tiếp cận kiến thức - chất liệu giáo dục - ngày càng trở nên dễ dàng hơn. Việc ứng dụng công nghệ vào giảng dạy không nên xem như là một sự thay thế máy móc cho vai trò của giáo viên, mà là phương tiện/công cụ hỗ trợ giáo viên. Vì vậy, các trường đại học ngày nay đang ngày càng xúc tiến ứng dụng công nghệ như một cách giúp giảng viên tiếp cận, khai thác, trình

bày tài liệu giảng dạy nhanh hơn, dễ dàng hơn, đồng thời gia tăng cơ hội tương tác với sinh viên trong quá trình dạy và học. Do vậy, dạy và học ngoại ngữ cũng không nằm ngoài xu hướng ấy. Điều này khiến công việc xây dựng các công cụ công nghệ phục vụ giảng dạy ngoại ngữ ngày càng được chú trọng. Trong đó, hình thức xây dựng công cụ công nghệ theo xu hướng mở, miễn phí và mang tính chia sẻ được xem như giải pháp cho các nước đang phát triển, muốn đầu tư hàng triệu, hàng tỷ đô cho các giải pháp công nghệ là điều không

^(*) ThS. Trường Đại học Văn Lang, huynhthinhduyen@vanlanguni.edu.vn, Mã số TCKH18-08-2019

^(**) ThS. Trường Đại học Văn Lang

thể. Trong số những giải pháp đó, Moodle nổi lên như một giải pháp công nghệ trực tuyến mạng tiết kiệm nhưng hiệu quả cho nhu cầu xây dựng các hệ thống học tập điện tử trực tuyến trong học tập và giảng dạy ngoại ngữ hiện nay.

Moodle là Hệ thống Quản lý Học (Learning Management System - LMS) hay còn được gọi là Hệ thống Quản lý Khóa học (Course Management System - CMS) hoặc Môi trường Học Ảo (Virtual Learning Environment - VLE) mã nguồn mở (miễn phí và có thể chỉnh sửa được mã nguồn) cho phép bạn tạo ra các khóa học trên mạng Internet hay các website học trực tuyến cho các trường học và các tổ chức giáo dục. Trên thế giới hiện có trên 215 quốc gia đã và đang sử dụng Moodle, và hiện tại Moodle đã được dịch ra 96 ngôn ngữ khác nhau [2]. Trong giảng dạy ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, Moodle đã bắt đầu được nghiên cứu và sử dụng từ 2005 và hiện vẫn là một trong các hệ thống quản lý học tập thông dụng được nhiều trường đại học và cơ sở đào tạo sử dụng để hỗ trợ giảng viên trong quản lý khóa học, nội dung giảng dạy trực tuyến và sinh viên học ngoại ngữ trực tuyến.

Mặc dù Moodle đã trở nên thông dụng và không còn quá mới đối với đa số giảng viên ngoại ngữ, tính hiệu quả của Moodle trong giảng dạy vẫn chưa được đánh giá một cách thấu đáo. Câu hỏi đặt ra là với những tiện ích Moodle mang lại trong giảng dạy ngôn ngữ, giảng viên chúng ta đã sử dụng những tiện ích đó đến mức độ nào, và đâu là nguyên nhân của những hạn chế và khó khăn một khi sử dụng Moodle. Với mục tiêu tìm cách giải đáp phần nào câu

hỏi đã nêu, bài viết này trình bày một số khía cạnh liên quan đến sử dụng Moodle trong giảng dạy thời gian qua bằng biện pháp đối chiếu những nguyên tắc chủ đạo (Key Principles) của Moodle về mặt lý thuyết với thực trạng thực hiện (Implementation) những nguyên tắc nói trên trong giảng dạy Tiếng Anh tại Tổ Anh văn tổng quát - khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Văn Lang. Nhận thức rõ và khai thác đúng đắn Moodle theo đặc thù dạy và học ngoại ngữ ở bộ môn sẽ phục vụ cho các mục tiêu phát triển và nâng cao trình độ ngoại ngữ trực tiếp cho sinh viên.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận giáo dục của Moodle

Việc thiết kế và phát triển Moodle được định hướng chủ đạo trên nền tảng lý thuyết kiến tạo xã hội (Social Constructivism). Theo thuyết này, nhóm người học bồi đắp kiến thức cho nhau bằng cách cùng hợp tác xây dựng một môi trường văn hóa nội nhóm cùng với việc chia sẻ nghĩa của các sự vật hiện hữu. Khi đó, người học sẽ là một phần của môi trường văn hóa đó ở những mức độ khác nhau và sẽ ứng xử theo các đặc tính của môi trường đó [3]. Từ đó, năm tiêu chí giáo dục trọng tâm được rút ra từ quá trình giảng dạy và học tập như sau: 1) Tất cả mọi người đều có thể vừa là giáo viên vừa là người học; 2) Học là một quá trình tạo ra và thể hiện ý tưởng cho người khác; 3) Chúng ta học nhiều hơn khi chúng ta quan sát người khác; 4) Việc thấu hiểu người khác có tác dụng chuyển hóa bản thân; 5) Chúng ta học tập tốt chỉ trong môi trường học tập linh hoạt và phù hợp với nhu cầu của chúng ta [3]. Để đáp ứng những tiêu

chỉ này, Moodle được tạo ra như một công cụ dạy học với bốn đặc tính cơ bản (tính cộng đồng, tính tương tác, tính chủ động thụ đắc, và tính đa dạng) tương ứng với năm tiêu chí nêu [1, tr. 687-693].

2.2. Thực tiễn sử dụng Moodle trong giảng dạy tiếng Anh ở Tô Anh văn tổng quát

2.2.1. Những kết quả tích cực

Nhận thấy những lợi ích đáng kể Moodle có thể mang lại khi đổi mới phương pháp dạy và học, Trường Đại học Văn Lang đã triển khai mô hình học trực tuyến ứng dụng công nghệ Moodle rộng khắp tới hầu hết các ngành, môn đào tạo. Đối với Tô Anh văn tổng quát, các giảng viên đã được tiếp cận, tập huấn và tạo điều kiện thuận lợi để có thể xây dựng các khóa học của mình trên trang Học Trực Tuyến của trường. Sau đây là một số kết quả tích cực đã được ghi nhận dựa trên bốn tính chất quan trọng Moodle mang lại.

Về tính cộng đồng, tất cả giảng viên bộ môn đã sử dụng tính năng Forum trên khóa học là nơi để sinh viên gửi những thắc mắc liên quan đến bài giảng hoặc phương pháp học tiếng Anh đồng thời là kênh giao lưu, học hỏi lành mạnh giữa các sinh viên với nhau. Ngoài ra, về phía giảng viên, một số đã sử dụng tính năng tạo Glossary (bảng chú thích các thuật ngữ) để kích thích sinh viên học tốt hơn về từ vựng và tạo Wiki tập hợp những trang web hữu ích theo từng chủ đề khác nhau. Về phía sinh viên, đặc biệt là sinh viên khoa Công Nghệ Thông Tin đã thể hiện tính tích cực khi cùng nhau chia sẻ các kiến thức bổ ích, các tài liệu tiếng Anh thú vị thông qua các diễn đàn trên khóa học. Ngoài ra, cũng có trường hợp sinh viên không cùng một lớp nhưng cùng một

khóa đã chủ động trao đổi thông tin, giao lưu với nhau tại các diễn đàn này.

Về tính tương tác, phần lớn các giảng viên đã sử dụng những tính năng khác nhau của Moodle để tạo những hoạt động mang tính tương tác, luyện kỹ năng tiếng Anh ngoài giờ lên lớp. Ví dụ: tạo hoạt động luyện nói theo nhóm bằng cách cho các nhóm sinh viên ghi hình, sau đó đăng video lên khóa học để giảng viên nhận xét. Một số giảng viên nhận thấy sự tương tác với sinh viên đã được cải thiện khi nhận được những thắc mắc của sinh viên, đặc biệt là những em ngại tiếp xúc trực tiếp với giảng viên về bài học hay các yêu cầu cung cấp tài liệu tiếng Anh để tự luyện nói. Về phía sinh viên, không những các sinh viên trong cùng nhóm mà giữa các nhóm có cơ hội được thực hành và rèn luyện tiếng Anh cùng nhau một cách chủ động và tiết kiệm thời gian qua những nhận xét của giảng viên để ở chế độ mờ.

Về tính chủ động thụ đắc, một số giảng viên đã thiết kế các bài tập, bài kiểm tra trên khóa học với thời hạn cụ thể và tính năng chấm điểm tự động. Nhờ đó, sinh viên có thể chủ động chọn thời gian làm bài và biết ngay điểm số khi vừa nộp bài, và cũng từ đó cơ bản biết được mức độ hiểu bài của mình đến đâu. Ngoài ra, tất cả các kiến thức giảng dạy trên lớp đều được giảng viên đăng lên khóa học nhằm giúp một số sinh viên, đặc biệt là những sinh viên vắng lớp, dễ dàng xem lại những kiến thức được dạy trên lớp một cách đầy đủ. Ngoài ra, một số sinh viên đã tích cực tham gia các trò chơi liên quan đến bài học, xem các clips hướng dẫn luyện phát âm, luyện nói hay giải thích các điểm ngữ pháp cho thấy sự tự giác

tiếp thu kiến thức thông qua một kênh thông tin có sự quản lý của giảng viên thay vì bị hạn chế kiến thức gói gọn trong những giờ lên lớp theo phương pháp học truyền thống.

Về tính đa dạng, với những tính năng Moodle cho phép, các giảng viên đã xây dựng cho mình những khóa học khác biệt và hấp dẫn hơn thông qua các công cụ trực quan sinh động như bài giảng video, phim ảnh tư liệu, các dạng bài tập Quiz. Một số giảng viên còn thiết kế các dạng bài tập dự án như Glossary, các bài tập tạo mindmap rèn kỹ năng thuyết trình và viết, tạo pop-ups mỗi ngày một thành ngữ/ từ vựng khó trong tiếng Anh,... Tất cả những điều này góp phần dễ dàng hơn, tạo hứng thú học tập đối với sinh viên.

2.2.2. *Khó khăn và hạn chế*

Ngoài những ưu điểm, những thuận lợi đã đạt được khi áp dụng Moodle vào giảng dạy, vẫn còn những khó khăn cho cả phía sinh viên lẫn giảng viên cần phải khắc phục.

Về tính cộng đồng, hầu hết những thảo luận, tranh luận nhóm hiện tại được thực hiện chủ yếu bằng tính năng Forum trên Moodle. Tuy nhiên, số lượng sinh viên tham gia vào các Forum còn hạn chế. Phần lớn sinh viên chủ yếu chỉ sử dụng Moodle để download tài liệu, làm bài tập hoặc xem thông báo. Về phía giảng viên, ngoài cách bắt buộc, giảng viên vẫn chưa tạo được những chủ đề đủ thu hút, hấp dẫn nhằm khuyến khích sinh viên tham gia tranh luận. Ngoài ra, số ít giảng viên không thường xuyên theo dõi trang học trực tuyến của mình, dẫn đến tình trạng chậm trả lời những thắc mắc của sinh viên trên Forum. Các tính năng khác như Choice và Workshop chưa được giảng viên áp dụng.

Về tính tương tác, do có nhiều tính năng, giao diện Moodle khá phức tạp với người vừa bắt đầu sử dụng. Điều này khiến phần lớn sinh viên khó có thể theo dõi được những thông tin, hoặc điều chỉnh mới trên trang khóa học của Moodle. Tuy Moodle có kèm tính năng Latest News (điều mới nhất) để giải quyết vấn đề này, nhưng phần hiển thị lại chưa thân thiện với người dùng. Phần lớn sinh viên ít khi sử dụng Moodle như một kênh thông tin chính để tương tác, thảo luận với nhau mà sẽ lựa chọn một kênh thông tin khác mang tính tương tác cao và quen thuộc hơn như Facebook hoặc Twitter. Về phía giảng viên, việc sử dụng khả năng tương tác của Moodle như là tính năng tạo phòng Chat hoặc Quick mail thường bị bỏ qua. Hơn nữa, hầu hết giảng viên cũng chưa đầu tư vào phần Feedback trong các dạng bài tập Quiz trắc nghiệm, nên khi chọn đáp án sai, sinh viên vẫn chưa có phản hồi cụ thể để biết tại sao mình sai hoặc tại sao một lựa chọn khác lại đúng.

Về tính chủ động thụ đắc, tỷ lệ sinh viên tham gia tự học trên Moodle so với mặt bằng chung còn khá ít. Phần lớn sinh viên tham gia do có sự thúc ép từ phía giảng viên, hoặc do sự bắt buộc về điểm số, chưa mang tính tự nguyện. Phần lớn giảng viên chưa tạo được động lực cần thiết để khuyến khích sinh viên tham gia tự học trên Moodle. Thêm nữa, các tính năng như Glossary ít được sử dụng do phải tốn nhiều công sức và thời gian để chuẩn bị.

Về tính đa dạng, mặc dù Moodle cung cấp nhiều các tính năng đa dạng, giảng viên vẫn chưa áp dụng các tính năng này một cách hiệu quả trên Moodle. Hiện tại, giảng viên chủ yếu chỉ đưa tài liệu lên mạng theo

hình thức scan trực tiếp, tạo Quiz trực tiếp bằng Moodle hoặc dung Hot Potatoes.

2.3. Giải pháp đề xuất

Một số giải pháp đề xuất của nhóm nghiên cứu nhằm khắc phục những hạn chế và khó khăn khi triển khai bốn đặc tính của Moodle trong thực tiễn bộ môn.

Về tính cộng đồng, hệ thống học tập của Moodle có khả năng bổ sung các tính năng hoặc tích hợp mạng xã hội – một trào lưu đang ngày càng thu hút nhiều người dùng Internet. Bên cạnh các tính năng Forum hoặc Chat có sẵn trong Moodle, việc tích hợp các mạng xã hội như Facebook hay Twitter sẽ làm sinh viên thích thú vì tính năng quen thuộc để từ đó tự nguyện tham gia thảo luận hoặc tranh luận nhóm mà không cần sự ép buộc từ phía giảng viên. Ngay cả các giảng viên cũng có thể thường xuyên theo dõi trang của mình và dễ dàng nhanh chóng cập nhật thông tin và trả lời thắc mắc cho sinh viên.

Về tính tương tác, ngoài việc xây dựng các khu vực thảo luận, tạo các nhóm học tập khác nhau, đưa ra lựa chọn cho hoạt động học ưa thích (Choice) mà giảng viên đã thực hiện, giảng viên có thể tích hợp mạng xã hội Facebook hay Twitter để nâng cao các khả năng tương tác giữa người học và người dạy – một điều rất hữu ích trong thực hành ngoại ngữ. Từ đó, người học sẽ có thể tích cực hơn trong việc đóng góp ý kiến và học tập hiệu quả hơn so với khi chỉ biết thu nhận kiến thức một chiều từ giảng viên và các bài học trên mạng. Để đảm bảo tính tương tác, ngoài việc thường xuyên cập nhật và giải quyết những khó khăn của sinh viên, giảng viên cần tăng tính tương tác với sinh viên thông qua tài liệu học tập

với những yêu cầu rõ ràng khi thiết kế đề thi hoặc bài Quiz với những hướng dẫn và phân hồi cụ thể cho từng lựa chọn. Thêm nữa, giảng viên có thể chọn tính năng Quick mail để nhanh chóng thông báo cho sinh viên biết bài của mình đã được chấm và cập nhật điểm số giúp sinh viên xem lại và thắc mắc, nếu có.

Về tính chủ động thụ đắc, để khuyến khích sinh viên tự học, giảng viên có thể áp dụng lý thuyết tạo dựng trong việc triển khai lớp học bằng cách mở các Workshop (buổi tập huấn) cho phép người tham gia đánh giá đồng cấp, tức là có thể đánh giá bài của bạn cùng khóa, từ đó tự học hỏi kinh nghiệm và sửa chữa. Giảng viên có thể sử dụng các tính năng Choice, Questionnaire, hoặc Survey để thu thập ý kiến, câu trả lời của sinh viên nhằm điều chỉnh chương trình học và tài liệu học tập cho phù hợp, hoặc khởi động các dạng bài tập dự án như Glossary, khuyến khích sinh viên tự tạo các mục từ (Entry) trong Glossary sau khi học bài mới hoặc tạo lập các bài viết trong Wiki. Việc để sinh viên chủ động tạo entry trong Glossary vừa giúp họ ôn tập từ vựng đã học mà giảng viên lại tiết kiệm thời gian và công sức cho những hoạt động khác.

Về tính đa dạng, giảng viên cần tạo sự đa dạng trong quản lý và giảng dạy nội dung bằng cách tận dụng các tính năng khác nhau của Moodle nhằm chú trọng phát triển cả bốn kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Đơn cử như giảng viên có thể sử dụng tính năng Moodle Recording để khuyến khích sinh viên tự thu âm và cải thiện khả năng nói – phát âm, hoặc kết hợp đa dạng các dạng câu hỏi khác nhau trong cùng một bài tập như Matching,

Multiple choice, Short Answer,... Giảng viên cũng có thể tăng tính đa dạng và tương tác trong việc học và ôn từ vựng mới bằng cách sử dụng tính năng Glossary để tạo một bảng từ vựng online; Từ nền tảng đó kết hợp với tính năng Random Glossary Entry nhằm tạo mục Word of the Day tự động hiện lên một từ vựng mới mỗi ngày trên trang khóa học. Giảng viên có thể tận dụng khai thác các nguồn sẵn có trên mạng như hình ảnh, các đoạn phim tư liệu, phim hoạt hình, các đoạn âm thanh trong môi trường ngôn ngữ xã hội và môi trường tự nhiên để tạo ra các chủ đề thu hút, khuyến khích sinh viên tham gia thảo luận và sử dụng Moodle như là một công cụ tự học.

Tuy nhiên, việc tận dụng tính đa dạng của Moodle dùng trong quá trình giảng dạy thường khó thực hiện do quỹ thời gian của giảng viên hạn chế. Vì vậy, sự hỗ trợ từ phía nhà trường trong bố trí công tác nhằm tạo điều kiện cho giảng viên cân đối giữa thời gian đứng lớp, soạn bài và tự nghiên cứu học hỏi là vô cùng cần thiết. Ngoài ra, bên cạnh yếu tố con người, điều kiện cơ sở vật chất để triển khai và ứng dụng Moodle cũng vô cùng quan trọng. Về mặt kỹ thuật, nhà trường cần cải thiện và phát triển cơ sở hạ tầng cũng như một hệ thống mạng tốt và đường truyền tốc độ cao nhằm khắc phục tình trạng tốc độ Internet còn chậm và chưa ổn định hiện nay. Thêm vào đó, việc tạo cơ hội cho người học được tiếp cận những trang thiết bị và phòng máy hiện đại cũng vô cùng cần thiết. Hơn nữa, trong quá trình triển khai Moodle, giảng viên cũng cần lưu ý đến thiết kế và bố trí trình tự những bài tập đa phương tiện nhằm giảm thời gian tải trang cho người dùng. Cụ thể, giảng viên

có thể lựa chọn các tập tin có dung lượng thấp, chia nhỏ các trang bài tập, hoặc lập lịch chéo truy cập làm bài kiểm tra,...

Về mặt phương thức triển khai, thực hiện E-learning trên hệ thống Moodle cần phải có chiến lược lâu dài với một quá trình liên tục giúp giảng viên và sinh viên không bỡ ngỡ và từng bước làm quen với cách học mới. Quá trình tiếp cận có định hướng sẽ giúp người học tự nhận ra những ưu điểm của hình thức học trực tuyến thông qua quá trình tham gia – từ thụ động sang chủ động, từ hướng dẫn đến tự học.

3. KẾT LUẬN

Bài viết xin được kết luận với một phát biểu mà nhóm nghiên cứu và thể hiện rõ bản chất công nghệ của tiến sĩ Thom Thibault [4]: “When it comes to technology, things are always changing, and they always will.”, tạm dịch là “Khi đã viện đến công nghệ ắt là nghĩ ngay tình hình sẽ luôn thay đổi”. Tuy nhiên, đặc biệt trong môi trường giáo dục Việt Nam với nhiều tồn tại khách quan về điều kiện cơ sở vật chất, điều kiện lương bổng,... và các yếu tố chủ quan về phía chủ thể giảng viên và sinh viên, không phải lúc nào việc ứng dụng công nghệ cũng dễ dàng được chấp nhận và cho thấy tính hiệu quả trong công tác giảng dạy. Trong bài viết này đã phân nào nêu lên những kết quả, hạn chế, và giải pháp trong việc ứng dụng Moodle tại Tô Anh văn tổng quát. Những nghiên cứu thực nghiệm về thiết kế và ứng dụng Moodle cũng như hiệu quả của phần mềm cần được thực hiện để cung cấp một cái nhìn khách quan về giải pháp công nghệ này trong phát triển các kỹ năng tiếng Anh của người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đinh Lư Giang (2014), *Ứng dụng Moodle trong hệ thống đào tạo giảng dạy ngoại ngữ trực tuyến ở Việt nam*. Kỳ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế về Chiến lược ngoại ngữ trong xu thế hội nhập.
- [2] Moodle Administration (2015), *About Moodle*, https://docs.moodle.org/23/en/About_Moodle, ngày truy cập: 01-11-2015
- [3] Moodle Administration (2015), *Pedagogy*, <https://docs.moodle.org/23/en/Pedagogy>, ngày truy cập: 01-11-2015
- [4] Thibeault, Thomas. (2013). *Issues when implementing ICT/CALL. ICT Courses for Vietnamese Teachers of English*. Lecture conducted in Danang College of Foreign Languages, Danang, Vietnam.

Ngày nhận bài: 30-5-2019. Ngày biên tập xong: 06-11-2019. Duyệt đăng: 29-11-2019